

Bản án số: 566/2023/DS-PT
Ngày: 21-8-2023
V/v tranh chấp thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Khoa

Các thẩm phán: Ông Ngô Mạnh Cường
Ông Đỗ Đình Thanh

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Văn Duân, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Út, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 233/2023/TLPT-DS ngày 19/4/2023, về việc “Tranh chấp thừa kế”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2022/DS-ST ngày 13/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1929/2023/QĐPT-DS ngày 28 tháng 7 năm 2023; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Bà Phan Thị H, sinh năm 1960; Địa chỉ: số D, ấp B, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ (có mặt).

2. Bà Phạm Thị T, sinh năm 1966; Địa chỉ: số C, khu phố E, đường số A, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

3. Bà Phạm Thị K, sinh năm 1941; Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của bà Phạm Thị K: Bà Phan Thị H (có căn cước nêu trên, theo hợp đồng ủy quyền ngày 17/11/2015, có mặt).

4. Những người thừa kế thế vị của bà Phạm Thị H1 gồm các ông bà Nguyễn Hoàng A, Nguyễn Thị Hoàng N, Nguyễn Thị N1, Nguyễn Thị Hoàng Linh P, Bạch Long P1, Bạch Gia L (vắng mặt).

- *Bị đơn*: Bà Phan Thị X, sinh năm 1967; Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ (có mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Phan Thị T1, sinh năm 1947; Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

2. Bà Phan Thị L1, sinh năm 1954; Địa chỉ: Flat B, K, W, New Zealand (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của bà Phạm Thị L2: Bà Phan Thị H (có căn cước nêu trên, theo hợp đồng ủy quyền ngày 17/12/2018, có mặt).

- *Người kháng cáo*: Bà Phan Thị H là nguyên đơn.

- *Viện kiểm sát kháng nghị*: Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phan Thị H và các nguyên đơn khác là bà Phạm Thị K, Phạm Thị T có cùng ý kiến trình bày như sau:

Cha mẹ bà là ông Phan Đình T2 (sinh năm 1920, chết năm 1993) và bà Nguyễn Thị T3 (sinh năm 1920, chết năm 1988). Cha mẹ bà có tổng cộng 7 người con theo giấy xác nhận tông chi của UBND xã T gồm: Bà Phạm Thị K, sinh năm 1941, bà Phan Thị T1 sinh năm 1947, bà Phan Thị L1, sinh năm 1950, bà Phan Thị H sinh năm 1960, bà Phạm Thị T sinh năm 1966, bà Phạm Thị H1 (sinh năm 1958, chết năm 2000, có các con là Nguyễn Hoàng Á, Nguyễn Thị Hoàng N, Nguyễn Thị N1, Nguyễn Thị Hoàng Linh P, Bạch Long P1, Bạch Gia L) và bà Phan Thị X, sinh năm 1967.

Lúc sinh thời cha mẹ bà có tạo lập được khối tài sản bao gồm căn nhà và diện tích đất là 15.712m² tọa lạc tại địa chỉ: ấp B, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ. Sau khi cha mẹ bà qua đời không để lại di chúc. Bà Phan Thị X đứng tên và quản lý theo giấy CNQSDĐ số 0253 tại tờ bản đồ số 9, bao gồm các thửa 376, 377, 378, 379, 380 và 381 với tổng diện tích là 15.712m² do UBND huyện T cấp ngày 14/9/1994. Đến ngày 25/6/1996 các chị em yêu cầu chính quyền cơ sở giải quyết chia phần di sản này. Tại biên bản thỏa thuận ghi nhận 7 chị em mỗi người sẽ nhận 1m chiều ngang, tương đương 1 công đất, còn lại giao cho bà X 10m chiều ngang, tương đương 10 công đất. Bà X có ký tên nhưng không thực hiện. Đến ngày 15/5/2015 tại UBND xã T, Trung tâm trợ giúp pháp lý đưa ra hòa giải, bà X đồng ý hỗ trợ mỗi người 35 triệu đến năm 2017 sẽ đưa, nhưng không thực hiện được. Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia phần di sản thừa kế nói trên làm 7 phần cho 7 chị em. Cụ thể mỗi người sẽ được giá trị 1/7 căn nhà và 2.244,5m² đất theo giá trị tại biên bản định giá ở V.

Bị đơn bà Phan Thị X trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày nguyên đơn về mối quan hệ gia đình. Tuy nhiên ông Phan Đình T2 chết năm 1994. Năm 1988 thì mẹ bà là bà Nguyễn Thị

T3 chết. Trước đây bà cho rằng khi còn sống thì cha mẹ có nhận chuyển nhượng từ người khác trước năm 1975, bà sống chung nên được kê khai đúng tên Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất (giấy trắng) năm 1989 và đến năm 1994 bà đổi thành giấy bìa đỏ cho đến nay. Nguồn gốc giấy đất của bà có trước khi cha mẹ chết không ai ý kiến gì. Bà cũng định bán đất để chia cho mỗi người 1 công nhưng không được giá và không đủ tiền mà bà đã bỏ ra để lo cho cha mẹ nên bà không bán. Do chi phí lo cho cha mẹ quá cao bán đất không đủ để trả nợ. Tại biên bản hòa giải ngày 11/8/2022 bà thay đổi lời khai, cho rằng do không nhớ rõ nên không trình bày, thực tế phần đất tranh chấp là do khi bà còn sống chung với cha mẹ, cha mẹ bà nhận chuyển nhượng phần đất này nhưng số tiền 20.000.000đồng là do bà tự đứng ra trả nên đây là tài sản của bà không phải của cha mẹ để lại và bà cũng đã xin cấp giấy theo đúng thủ tục nhà nước quy định, thời điểm đó không ai có ý kiến phản đối, tranh chấp. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bà không đồng ý vì xác định đây là tài sản riêng của bà không phải di sản cha mẹ để lại.

Ông Nguyễn Hoàng Á vắng mặt có ý kiến bằng văn bản như sau: Ông là con ruột và là người đại diện cho các con ruột của bà Phạm Thị H1 (sinh năm 1958, chết năm 2000). Ông thống nhất với lời trình bày của bà Phan Thị H. Ông đề nghị được nhận giá trị 1/7 căn nhà và 2.244,5m² đất là di sản thừa kế nói trên. Do ở xa và bệnh nên ông đề nghị Tòa án hòa giải, xét xử vắng mặt ông.

Bà Phan Thị T1 xin xét xử vắng mặt có ý kiến trình bày trong quá trình giải quyết vụ án như sau: Bà thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về quan hệ gia đình. Trong vụ kiện này bà không yêu cầu bà X chia phần đất di sản thừa kế cho bà, ngoài ra bà cũng không còn yêu cầu gì khác.

Bà Phan Thị L1 có người đại diện theo ủy quyền là bà Phan Thị H: Có ý kiến thống nhất với bà H và yêu cầu Tòa án giải quyết chia phần di sản thừa kế nói trên làm 7 phần bằng nhau cho 7 chị em.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2022/DS-ST ngày 13/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ đã quyết định:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 227, Điều 228, Điều 147, Điều 470, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 609, 610, 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 652 Bộ luật Dân sự 2005;

Căn cứ vào Điều 2, Điều 36, Điều 38 Luật Đất đai 1993;

Căn cứ vào Điều 100 Luật Đất đai 2013;

Căn cứ Nghị quyết số 326/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

[1] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Phạm Thị K, bà Phan Thị H, bà Phạm Thị T, những nguyên đơn là người thừa kế thế vị của bà Phạm Thị H1 gồm (Nguyễn Hoàng Á, Nguyễn Thị Hoàng N, Nguyễn Thị N1, Nguyễn Thị Hoàng Linh P, Bạch Long P1, Bạch Gia L). Không chấp nhận

yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị L2.

[2] Xác định phần diện tích đất và tài sản trên đất bao gồm các thửa 376 diện tích 1.064m², thửa 377 diện tích 1.575m², thửa 378 diện tích 4.725m², thửa 379 diện tích 5.325m², thửa 380 diện tích 2.250m² và 381 diện tích 787m² (trong đó 300m² T và 487m² CLN). Tổng diện tích đất là 15.726m² do bà Phan Thị X quản lý sử dụng và đứng tên theo giấy CNQSDĐ số 0253 tại tờ bản đồ số 9, do UBND huyện T (cũ) cấp ngày 14/9/1994 tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ không phải là di sản thừa kế của cụ T2 và cụ T3 để lại.

[3] Ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn đồng ý giữ nguyên ý kiến trong biên bản hòa giải ngày 15/5/2015 hỗ trợ cho bà Phạm Thị T và bà Phan Thị H mỗi người 35.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về các chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 23/12/2022, bà Phan Thị H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Ngày 26/12/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 02/QĐ-VKS-DS kháng nghị toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bà Phan Thị H, Phạm Thị T không thay đổi, bổ sung, không rút đơn khởi kiện; không thay đổi, bổ sung, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo ban đầu. Bà Phan Thị X không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bà H và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ. Các đương sự khác vắng mặt tại phiên tòa nên không thể hiện ý kiến. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa không thay đổi, bổ sung quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ.

Trong phần tranh luận, các đương sự trình bày như sau:

1. Bà Phan Thị H và bà Phan Thị T4: Trong hồ sơ có nhiều lời khai của bà X và nhiều tài liệu chứng minh toàn bộ nhà và đất đang tranh chấp là di sản của cha mẹ để lại nhưng bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là không đúng. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

2. Bà Phan Thị X: Thừa nhận nhà, đất là của cha mẹ để lại nhưng bà sống chung với cha mẹ, có công sức chăm sóc, nuôi dưỡng, lo đám tang cho cha mẹ nên không đồng ý chia. Bà X xác định cùng sử dụng nhà, đất tranh chấp còn có

chồng, con ruột, con dâu và các cháu của bà gồm các ông bà Đinh Trọng H2, Đinh Công H3, Đinh Quốc V... Bà X không đồng ý với kháng cáo, kháng nghị và yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

1. Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo, quyết định kháng nghị: Đơn kháng cáo của bà Phan Thị H và quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ làm trong hạn luật định nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận về mặt hình thức.

2. Về việc chấp hành pháp luật: Xét thấy, Thẩm phán chủ tọa phiên toà, các thành viên Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý đến giai đoạn xét xử phúc thẩm.

3. Về yêu cầu kháng cáo, kháng nghị: Căn cứ vào Đơn xin cam kết, Biên bản hoà giải ngày 25/6/1996, Biên bản hoà giải ngày 15/5/2015 (bút lục số 01-03) và lời thừa nhận của bị đơn tại phiên toà phúc thẩm, có căn cứ xác định nhà, đất tranh chấp là tài sản ông Phan Đình T2 và bà Nguyễn Thị T3 chết để lại, nhưng bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện là ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự huỷ bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ cho cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo, quyết định kháng nghị: Đơn kháng cáo của bà Phan Thị H và Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 02/QĐ-VKS-DS ngày 26/12/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ làm trong hạn luật định nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ vào Đơn xin cam kết phần hương quả của cha mẹ, Biên bản hoà giải ngày 25/6/1996, Biên bản hoà giải ngày 15/5/2015 (bút lục số 01-03) và lời thừa nhận của bà X tại phiên toà phúc thẩm, có căn cứ xác định toàn bộ nhà, đất tranh chấp có nguồn gốc của cha mẹ các đương sự là cụ Phan Đình T2 và cụ Nguyễn Thị T3 chết để lại. Bản án sơ thẩm chỉ căn cứ vào lời khai của bị đơn, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bị đơn để bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn mà chưa điều tra, làm rõ tính hợp pháp của các tài liệu nêu trên là chưa có căn cứ vững chắc.

[2.2] Theo lời trình bày của bị đơn tại phiên toà phúc thẩm, thì ngoài bà X, cùng sử dụng nhà, đất đang tranh chấp còn có các ông bà Đinh Trọng H2, Đinh Công H3, Đinh Quốc V...nhưng Toà án cấp sơ thẩm không đưa những người này vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

[3] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy bản án sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, có nhiều thiếu sót trong quá trình điều tra mà các vi phạm, thiếu sót này cấp phúc thẩm không thể bổ sung, khắc phục được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà, huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ cho Toà án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do huỷ bản án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

[1] Không chấp nhận kháng cáo của bà Phan Thị H. Chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 02/QĐ-VKS-DS ngày 26/12/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ.

Huỷ Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2022/DS-ST ngày 13/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ. Chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân thành phố Cần Thơ để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phan Thị H không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

[3] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND Tp Cần Thơ;
- VKSND Tp Cần Thơ;
- Cục THADS Tp Cần Thơ;;
- Các đương sự;
- Lưu.

Võ Văn Khoa